

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	3223240009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/08/2001	02KT15E2	8.0	7.0	7,3		7.5		7,4	Đạt
2	3223240019	Đào Đức	Lợi	10/01/1998	02KT15E2	9.0	7.5	8,0		8.0		8,0	Đạt
3	3223240010	Đoàn Nhất	Nuong	29/12/1992	02KT15E2	9.0	8.0	8,3		8.0		8,1	Đạt
4	1223240009	Lê Thị Cẩm	Tú	22/01/2000	02KT15E2	9.0	8.5	8,7		8.0		8,3	Đạt
5	2223360139	Lâm Tâm	An	14/11/2007	02DS15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
6	2223360293	Nguyễn Văn	An	13/11/2007	02DS15C1	8,0	3,5	5,0				2,0	Thi lại
7	2223360314	Hồ Hoài	An	17/11/2007	02DD15C1	6,0	5,5	5,7		6,5		6,2	Đạt
8	2223360417	Đoàn Xuân Phương	An	09/11/2007	02DD15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
9	1223240037	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/09/1995	02KT15E1	9.0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt
10	2223240001	Đặng Quỳnh	Anh	10/08/1994	02DN15A1	7.5	7.5	7,5		7.5		7,5	Đạt
11	2223360002	Võ Duy	Anh	06/10/2000	02DH15D1	8.0	8.0	8,0		8.0		8,0	Đạt
12	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/03/1993	02DS15B1	7.5	8.0	7,8		7.5		7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	2223360053	Trần Minh Trâm	Anh	16/02/2005	02DD15C1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
14	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02DH15C1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
15	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02DD15C2	8	9,5	9,0		8		8,4	Đạt
16	2223360127	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21/12/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
17	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02PM15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
18	2223360284	Hà Bảo	Anh	03/09/2007	02DD15C1	8,5	3,5	5,2				2,1	Thi lại
19	2223360315	Đình Duy	Anh	25/06/2007	02PM15C1	8,0	6,5	7,0		7,5		7,3	Đạt
20	2223360396	Phạm Thị Phương	Anh	26/08/2007	02DS15C1	8,0	5,5	6,3		6,5		6,4	Đạt
21	2223360408	Vũ Hải	Anh	25/08/2007	02DH15C2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
22	2223360430	Nguyễn Kỳ	Anh	15/07/2007	02DH15C2	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
23	2223360450	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/12/2007	02DS15C2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
24	2223360466	Vũ Trúc	Anh	09/04/2007	02DD15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
25	2223360474	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/10/2007	02DH15C3	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
26	2223240198	Nguyễn Nguyễn Ngọc Hải	Anh	17/08/1999	02YS15A2	8,5	8,0	8,2				3,3	Thi lại
27	2223240140	Trần Thị Vân	Anh	08/04/2001	02YS15B1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
28	2223360289	Ngô Lý Mỹ	Anh	26/08/1993	02KT15D1	7,5	6,5	6,8		7,0		6,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	2223360292	Hoàng Tuấn	Anh	14/03/2003	02DN15D1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
30	3223240024	Ngô Tú	Anh	23/11/1996	02KT15E2	9.0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt
31	2223360187	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh	16/03/2007	02DD15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
32	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	31/07/2001	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
33	2223360270	Đặng Hồng	Ánh	30/11/2007	02DH15C2	9,0	6,0	7,0		8,5		7,9	Đạt
34	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
35	2223360235	Lê Hoàng Thiên	Ân	26/07/2007	02MK15C1	8,0	6,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
36	2223360264	Huỳnh Trọng	Ân	30/01/2007	02MK15C1	7,5	9,0	8,5		9,0		8,8	Đạt
37	2223360329	Du Quế	Ân	10/07/2007	02DL15C1	8,0	5,0	6,0		7,5		6,9	Đạt
38	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
39	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02YS15B1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
40	2223360024	Trần Gia	Bảo	02/02/2005	02YS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
41	2223360010	Nguyễn Thái	Bảo	16/08/2003	02DN15C1	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
42	2223360190	Châu Quốc	Bảo	20/10/2003	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
43	2223360239	Phạm Minh Gia	Bảo	21/03/2007	02PM15C1	7,0	6,5	6,7		7,5		7,2	Đạt
44	2223360269	Nguyễn Hữu	Bảo	20/09/2007	02PM15C1	8,0	7,0	7,3				2,9	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
45	2223360302	Phan Nguyễn Gia	Bảo	23/12/2007	02PM15C1	8,5	6,0	6,8		7,0		6,9	Đạt
46	2223360333	Đoàn Lâm Thiện	Bảo	28/11/2007	02PM15C1	8,0	4,5	5,7				2,3	Thi lại
47	2223360071	Trần Lê Gia	Bảo	16/07/2005	02DN15D1	8,5	8,0	8,2				3,3	Thi lại
48	2223360333	Đoàn Lâm Thiện	Bảo	28/11/2007	02PM15C1	7,5	7,0	7,2				2,9	Thi lại
49	2223360275	Nguyễn Ngọc	Bích	24/07/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
50	2223360213	Nguyễn Tấn	Bình	30/10/2006	02DH15C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
51	3223240007	Đặng Trần Thi	Ca	20/02/1997	02KT15E2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
52	2223360166	Dương Minh	Công	28/09/2007	02PL15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
53	2223360337	Nguyễn Viết Thành	Công	20/10/2007	02KT15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
54	2223360337	Nguyễn Viết Thành	Công	20/10/2007	02KT15C1	8,0	5,5	6,3				2,5	Thi lại
55	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02KT15A1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
56	2223180074	Trần Thị Kim	Cương	18/03/1989	02DS15B2	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
57	2223360162	Nguyễn Mạnh	Cường	27/09/2003	02BK15B5	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt
58	2223360054	Nguyễn Chí	Cường	07/10/2000	02DS15D2	10,0	8,0	8,7		7,0		7,7	Đạt
59	2223360132	Huỳnh Quốc	Cường	05/07/1999	02DN15D1	9,5	8,5	8,8		8,0		8,3	Đạt
60	2223360086	Lê Chí	Cường	21/03/2003	02DH15C1	7,0	7,0	7,0		8,0		7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
61	3223240029	Trần Thị Hoài	Châm	13/06/1994	02KT15E2	9.0	8.5	8,7		8.0		8,3	Đạt
62	1223240021	Phạm Thị Ngọc	Châu	03/04/2001	02KT15E1	9.0	7.0	7,7		7.5		7,6	Đạt
63	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	02/07/2003	02DH15A1	10,0	8,5	9,0		8,0		8,4	Đạt
64	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	20/10/2007	02DH15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
65	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	8,5	9,0	8,8		8,5		8,6	Đạt
66	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
67	2223360245	Bùi Yến	Chi	05/04/2007	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
68	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
69	2223360345	Đặng Hoàng	Chiến	23/05/1995	02DD15D1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
70	2223360223	Vô Văn	Chung	21/06/2007	02DS15C1	9,0	6,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
71	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02DD15B1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
72	2223360256	Nguyễn Thuý	Diễm	21/01/2007	02DH15C2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
73	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
74	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02DS15C1	10,0	7,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
75	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	10,0	8,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
76	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
77	2223360308	Trần Trí	Dũng	29/08/2007	02PM15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
78	2223360370	Vũ Đức	Dũng	25/12/2006	02PM15C2	9,0	9,0	9,0		7,0		7,8	Đạt
79	1223360018	Đinh Hải	Duy	10/08/1997	01YS15C1	9.5	9.5	9,5		9.5		9,5	Đạt
80	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02DS15C1	10,0	8,5	9,0		7,0		7,8	Đạt
81	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02DS15D2	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
82	2223360143	Phạm Ngọc	Duyên	13/11/2006	02PM15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
83	2223240151	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/06/1997	02DN15B1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
84	1223360031	Lê Vũ Thùy	Dương	20/11/1999	02KT15E1	9.0	8.0	8,3		8.0		8,1	Đạt
85	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02DD15B1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
86	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng	Dương	27/07/2006	02DL15C1	7,0	5,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
87	2223360409	Lê Trần Thùy	Dương	04/12/2007	02PL15C1	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
88	2223360433	Lê Hoàng Ánh	Dương	13/10/2007	02DH15C2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
89	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
90	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02KT15E2	9.5	9.5	9,5		9.5		9,5	Đạt
91	1223240055	Cao Thành	Đạt	28/02/1994	01DS15B1	8.5	7.5	7,8		8.0		7,9	Đạt
92	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02YS15B1	10,0	9,0	9,3		8,5		8,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1	
							4,0		6,0	6,0		
	1	23	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
93	2223360176	Huỳnh Ngọc Đạt	23/05/2007	02DH15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
94	2223360225	Ung Tấn Đạt	15/11/2007	02PM15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
95	2223360238	Lê Đình Đạt	29/01/2007	02TM15C1	8,5	6,0	6,8		7,0		6,9	Đạt
96	2223360263	Đình Hiễn Đạt	21/08/2007	02DL15C1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
97	2223360371	Huỳnh Chí Đạt	24/02/2007	02DH15C2	8,5	8,0	8,2		7,5		7,8	Đạt
98	2223360397	Lê Trọng Thành Đạt	17/11/2007	02PM15C2	6,0	6,0	6,0		6,5		6,3	Đạt
99	2223360398	Nguyễn Đoàn Hiễn Đạt	18/12/2007	02DS15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt
100	2223360485	Nghiêm Tấn Đạt	20/12/2007	02PM15C2	8,0	7,5	7,7				3,1	Thi lại
101	2223240025	Cao Minh Điền	26/07/2000	02DS15B1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
102	2223240079	Bùi Thị Điệp	15/06/1998	02DS15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
103	1223240034	Đình Thị Yến Đình	16/06/1995	01YS15A1	8,5	8,5	8,5		9,5		9,1	Đạt
104	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục Đoan	30/06/2006	02MK15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
105	2223240130	Nguyễn Gia Đông	25/01/1996	02DS15A2	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
106	2223360390	Nguyễn Hàn Nhật Đông	10/01/2007	02DH15C2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
107	2223240036	Nguyễn Trọng Đức	10/06/1987	02DS15B2	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
108	2223360273	Nguyễn En - Ny	24/01/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
109	2223360017	Lê Thị Hồng	Gấm	02/06/1999	02DS15C2	7.5	8.0	7,8		8.0		7,9	Đạt
110	1223240022	Nguyễn Huỳnh	Giang	20/10/2003	01DS15A2	9,0	9,0	9,0		9,5		9,3	Đạt
111	1223240013	Nguyễn Thị Trúc	Giang	03/07/2003	01KT15A1	9.0	7.0	7,7		8.0		7,9	Đạt
112	1223240024	Nguyễn Thành	Giang	25/06/1995	01DS15B1	9.0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt
113	2223240189	Ngô Thị Hương	Giang	07/10/2003	02DD15A2	7,0	6,0	6,3		8,5		7,6	Đạt
114	2223240129	Hồ Thị	Giang	09/12/2000	02DN15B1	8,0	7,5	7,7		8,0		7,9	Đạt
115	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02YS15D1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
116	1223240004	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1994	01DS15B1	8.5	8.5	8,5		9.0		8,8	Đạt
117	2223360016	Trần Ngọc Thanh	Hà	23/07/2000	02TW15D1	8.5	8.5	8,5		8.5		8,5	Đạt
118	2223360224	Nguyễn Thị	Hà	19/01/2001	02DD15C2	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
119	2223360458	Đỗ Thị Thu	Hà	10/08/2006	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
120	2223360105	Nguyễn Thanh	Hải	26/03/2005	02BK15A4	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
121	2223240081	Lê Văn	Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
122	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02DS15A2	7,5	7,5	7,5		9,0		8,4	Đạt
123	2223360461	Trần Thị Hồng	Hạnh	05/03/2007	02PM15C2	8,5	8,0	8,2		7,0		7,5	Đạt
124	2223240137	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/04/1996	02KT15E2	9.0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
125	2223360184	Trần Khang	Hào	05/04/2006	02DH15C1	8,0	6,5	7,0		7,5		7,3	Đạt
126	2223360342	Phạm Thế	Hào	27/06/2007	02MK15C1	8,0	4,0	5,3		6,5		6,0	Đạt
127	1223240007	Lâm Thị	Hào	02/08/2001	01YS15A1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
128	2223360027	Nguyễn Mỹ	Hằng	13/03/2002	02KT15C1	9,0	8,0	8,3		7,0		7,5	Đạt
129	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
130	2223360122	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	05/09/2007	02DD15C1	9,5	9,0	9,2		9,0		9,1	Đạt
131	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	26/08/2004	02DD15A2	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
132	2223360124	Nguyễn Bảo Ngọc	Hân	15/07/2007	02PL15C1	9,5	7,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
133	2223240154	Phạm Gia	Hân	07/06/1996	02DS15A2	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
134	2223360291	Trương Gia	Hân	07/06/2007	02DD15C1	8,0	5,0	6,0		8,0		7,2	Đạt
135	2223360300	Lương Kim Bảo	Hân	15/02/2006	02DD15C2	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
136	2223360400	Nguyễn Thị Khả	Hân	14/06/2007	02DD15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
137	1223360013	Phạm Trúc	Hậu	19/10/2004	01YS15C1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
138	3223240003	Nguyễn Thị	Hiên	25/10/1990	02KT15E1	9.0	9.0	9,0		9.5		9,3	Đạt
139	2223240027	Phan Thị Tâm	Hiên	17/11/2001	02YS15B1	8.5	9.0	8,8		8.5		8,6	Đạt
140	2223240127	Bùi Thị	Hiên	09/10/2002	02DD15B1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
141	2223360031	Ngô Quang	Hiệp	19/04/2002	02DD15C1	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
142	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh	Hiệp	23/09/2007	02DH15C2	6,0		2,0	TBKT			0,8	Học lại
143	2223360457	Nguyễn Trương Hoàng	Hiệp	27/05/2007	02PM15C2	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
144	2223180027	Nguyễn Trung	Hiếu	10/11/1991	02DD15B1	8,5	7,0	7,5				3,0	Thi lại
145	2223240118	Hồ Trung	Hiếu	08/02/2003	02YS15B1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
146	2223360107	Lê Ngọc	Hiếu	08/05/1998	02BK15B4	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
147	2223360150	Phạm Đức	Hiếu	22/12/2007	02DH15C1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
148	2223360335	Đặng Văn	Hiếu	04/11/2007	02TM15C1	8,5	7,5	7,8		7,5		7,6	Đạt
149	2223360335	Đặng Văn	Hiếu	04/11/2007	02TM15C1	8,0	5,5	6,3				2,5	Thi lại
150	2223360373	Trần Tuệ	Hiếu	31/07/2007	02PM15C2	7,0	5,5	6,0		6,5		6,3	Đạt
151	2223360283	Trần Như Châu Thanh	Hòa	16/04/2007	02KT15C1	7,0	7,5	7,3		8,0		7,7	Đạt
152	3223240018	Ngô Thái	Hòa	19/08/1998	02KT15E2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
153	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		8,5		8,3	Đạt
154	2223360343	Huỳnh Đặng Khải	Hoàn	24/03/2007	02PM15C1	7,0		2,3	TBKT			0,9	Học lại
155	1223360007	Thạch Huy	Hoàng	28/01/2002	01YS15C1	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt
156	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
157	2223360191	Trần Gia	Hoàng	01/01/2007	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
158	2223360319	Trần Nguyễn Văn	Hoàng	26/12/2006	02DS15C1	8,0	5,5	6,3		6,5		6,4	Đạt
159	2223360322	Ngô Minh	Hoàng	13/07/2007	02DH15C2	8,5	3,5	5,2		6,5		6,0	Đạt
160	2223360392	Nguyễn Huy	Hoàng	03/04/2007	02PM15C2	7,5	7,5	7,5		7,5		7,5	Đạt
161	2223360394	Hồ Minh	Hoàng	24/07/2007	02PM15C2	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
162	2223360185	Vũ Huy	Hoàng	14/04/2006	02DH15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
163	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02KT15E2	7.5	8.0	7,8		8.5		8,2	Đạt
164	1223360026	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	30/07/2004	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
165	2223360006	Võ Thị	Hồng	02/06/1991	02DS15C2	8.5	9.5	9,2		9.5		9,4	Đạt
166	2223240017	Lê Thị	Hồng	17/10/1990	02YS15B1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
167	2223360241	Nguyễn Thanh Thu	Hồng	16/12/2007	02PM15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
168	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02DS15B1	9.5	9.0	9,2		9.0		9,1	Đạt
169	1223240041	Đỗ Vương	Huy	26/04/2001	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		9,5		8,9	Đạt
170	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15A1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
171	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	8.5	9.0	8,8		8.5		8,6	Đạt
172	2223240035	Nguyễn Khắc	Huy	15/09/2000	02TW15A1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
173	2223360065	Đình Thanh	Huy	07/10/2004	02DN15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
174	2223240057	Nguyễn Quốc	Huy	31/07/2003	02PM15A1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
175	2223360138	Mai Quốc	Huy	04/01/2003	02PL15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
176	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02YS15A2	7,0	7,5	7,3		7,5		7,4	Đạt
177	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
178	2223360243	Lê Quang	Huy	06/01/2007	02TM15C1	8,0	6,0	6,7		7,5		7,2	Đạt
179	2223360431	Lý Gia	Huy	27/09/2006	02MK15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
180	2223360229	Nguyễn Nhật	Huy	07/06/2007	02YS15D1	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt
181	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02YS15A2	8,5	8,0	8,2		8,0		8,1	Đạt
182	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02YS15D1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
183	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/12/2003	02YS15C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
184	2223360375	Trần Thị Thu	Huyền	29/01/2007	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
185	2223240121	Nguyễn Trung	Hưng	01/11/2000	02DD15A2	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
186	2223360215	Đỗ Phước	Hưng	07/02/2004	02DH15C1	6,0	6,0	6,0		5,5		5,7	Đạt
187	2223360384	Võ Nguyễn Minh	Hưng	16/10/2007	02PM15C2	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
188	2223240135	Lê Đức	Hưng	07/09/1985	02DS15B2	8,0	7,5	7,7		8,0		7,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
189	1223240050	Hà Thị	Hương	19/09/1995	01DS15B1	9,0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt
190	2223360237	Trần Thị Thanh	Hương	18/10/2007	02YS15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
191	2223360399	Lê Thị Xuân	Hương	23/09/2007	02DH15C2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
192	2223240180	Đào Xuân	Hương	13/03/1995	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		9,0		8,6	Đạt
193	2223240120	Lê Thị	Hường	02/09/1996	02MK15B1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
194	2223240162	Hoàng Trung	Kiên	19/04/2003	02DN15B1	7,5	7,5	7,5		7,0		7,2	Đạt
195	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
196	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02MK15C1	9,0	7,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
197	2223360451	Ngô Anh	Kiệt	26/09/2007	02TM15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt
198	2223360203	Phạm Thị Lệ	Kiều	01/06/1994	02YS15D1	8,5	8,0	8,2		8,0		8,1	Đạt
199	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02DH15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
200	2223360317	Nguyễn Văn	Khải	17/06/2005	02DS15C1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
201	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
202	2223360163	Phạm Minh	Khang	01/01/2006	02TM15C1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
203	2223360367	Đỗ Trịnh Chí	Khang	08/10/2007	02DH15C2	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
204	2223360372	Phan Nhật Minh	Khang	25/09/2007	02DS15C1	8,0	5,5	6,3		6,5		6,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
205	2223360383	Nguyễn Minh	Khang	31/08/2007	02PM15C2	8,5	6,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
206	2223360415	Nguyễn Trần Chấn	Khang	16/10/2004	02DS15C1	8,5	7,0	7,5		7,5		7,5	Đạt
207	2223360255	Bùi Minh	Khang	06/05/2007	02DD15C1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
208	2223360459	Trần Trọng	Khang	10/03/2007	02DH15C3	9,5	7,5	8,2		7,0		7,5	Đạt
209	2223360422	Nguyễn Tuấn	Khanh	22/11/2006	02TM15C1	7,5	7,5	7,5		7,0		7,2	Đạt
210	2223360469	Hà Nguyễn Quyền	Khanh	13/11/2007	02DH15C3	9,0	7,5	8,0		8,5		8,3	Đạt
211	2223240021	Lê Quốc	Khánh	22/04/2001	02TM15A1	8.5	8.0	8,2		8.0		8,1	Đạt
212	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	7,0	5,0	5,7		7,5		6,8	Đạt
213	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02DH15C1	8,5	7,0	7,5		7,0		7,2	Đạt
214	2223360192	Nguyễn Xuân	Khánh	29/10/1990	02DS15D2	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
215	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02DH15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
216	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02DH15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
217	2223360424	Lê Bắc	Khăm	01/01/2003	02DS15C2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
218	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02DS15C1	10,0	7,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
219	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
220	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02DH15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
221	2223360391	Hồ Anh	Khoa	11/11/2007	02TM15C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
222	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02DD15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
223	2223360114	Dương Tấn	Khôi	18/09/2004	02DN15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
224	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02DH15C2	8,0	5,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
225	1223240032	Trương Mạnh	Khương	14/07/1997	02KT15E1	9.0	8.0	8,3		8.5		8,4	Đạt
226	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	9.0	8.0	8,3		8.5		8,4	Đạt
227	2223360200	Vũ Diệp	Lam	14/07/2007	02DD15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
228	2223360080	Đình Công	Lâm	16/02/2003	02PM15C1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
229	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01DS15B1	8.5	7.5	7,8		7.5		7,6	Đạt
230	2223360022	Huỳnh Hồng	Liên	10/07/2004	02KT15D1	7.0	6.5	6,7		7,0		6,9	Đạt
231	1223240016	Đặng Ngọc Phương	Linh	31/05/2003	01DS15A2	9,0	9,0	9,0		9,5		9,3	Đạt
232	1223240011	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/12/1997	02KT15E1	8.5	8.0	8,2		8.0		8,1	Đạt
233	2223240020	Đặng Trần Mỹ	Linh	21/06/2001	02DS15A2	7.0	7.5	7,3		7.5		7,4	Đạt
234	2223240015	Nguyễn Phan Hoài	Linh	24/12/1999	02YS15B1	7.5	8.0	7,8		8.5		8,2	Đạt
235	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02DN15E1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
236	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02MK15D1	10,0	8,5	9,0		8,0		8,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
237	2223360051	Nguyễn Thị Linh	03/09/2002	02YS15D1	10,0	9,0	9,3			8,5		8,8	Đạt
238	2223240084	Đỗ Thị Yến Linh	06/03/2003	02DS15A2	9,0	8,0	8,3			8,5		8,4	Đạt
239	2223360128	Lê Thị Thùy Linh	01/08/2003	02DS15C2	7,0	7,0	7,0			8,0		7,6	Đạt
240	2223360125	Tạ Nguyễn Khánh Linh	26/06/2007	02DD15C1	9,0	7,5	8,0			7,5		7,7	Đạt
241	2223360186	Nguyễn Nhựt Linh	07/05/2007	02YS15C1	8,0	9,0	8,7			8,0		8,3	Đạt
242	2223360295	Phan Thị Thùy Linh	30/03/2007	02DD15C1	6,0		2,0	TBKT				0,8	Học lại
243	2223360427	Nguyễn Lý Ánh Linh	09/05/2006	02MK15B1	9,0	8,5	8,7			8,5		8,6	Đạt
244	2223240080	Nguyễn Ứng Lĩnh	07/10/2001	02YS15A2	9,0	9,5	9,3			7,0		7,9	Đạt
245	2223360323	Phạm Ngọc Thanh Loan	19/08/2007	02KT15C1	8,0	7,0	7,3			7,5		7,4	Đạt
246	2223360414	Nguyễn Ngọc Kim Loan	07/12/2007	02DS15C1	9,0	8,0	8,3			8,5		8,4	Đạt
247	1223360009	Lê Thanh Long	03/09/2003	01KT15C1	10,0	10,0	10,0			9,5		9,7	Đạt
248	2223240043	Lê Thành Long	01/01/2003	02YS15B1	9,0	8,0	8,3			7,5		7,8	Đạt
249	2223360353	Mai Kha Long	05/09/2007	02DH15C2	8,0	8,0	8,0			8,0		8,0	Đạt
250	2223360361	Nguyễn Sơn Long	05/11/2007	02PM15C2	8,0	7,0	7,3			7,5		7,4	Đạt
251	2223360068	Trần Thanh Phước Lộc	24/12/1988	02DS15D2	10,0	9,0	9,3			8,5		8,8	Đạt
252	2223240033	Võ Phước Lộc	11/04/2002	02YS15B1	9,0	7,5	8,0			7,5		7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
253	2223360352	Trần Phúc	Lộc	25/09/2007	02PM15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
254	2223360412	Nguyễn Quang	Lộc	06/08/2007	02DH15C2	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
255	1223360037	Nguyễn Tấn	Lợi	21/12/2003	01DH15C1	9.0	8.0	8,3		9.0		8,7	Đạt
256	2223360020	Nguyễn Xuân	Lợi	18/08/2001	02DD15C1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
257	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02PM15C2	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
258	2223360236	Lê Thành	Luân	21/05/2007	02DN15C1	8,0	5,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
259	2223240160	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21/10/2002	02DH15B1	9.0	6.5	7,3		7.5		7,4	Đạt
260	1223180004	Nguyễn Thị Phương	Mai	30/05/1983	01DS15A2	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt
261	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01DS15B1	8.5	8.0	8,2		8.5		8,4	Đạt
262	2223240178	Võ Thị Tuyết	Mai	22/02/1975	02YS15B1	8,5	8,0	8,2		8,5		8,4	Đạt
263	2223180061	Nguyễn Thị Tuyết	Măng	27/01/1989	02DD15B1	8,5	8,0	8,2		7,0		7,5	Đạt
264	2223360303	Phạm Mộc	Miên	20/10/2007	02DS15C2	8,0	5,5	6,3		7,5		7,0	Đạt
265	2223240107	Phạm Hữu	Minh	19/10/1988	02DS15B2	10,0	7,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
266	2223360135	Ngô Thị Tú	Minh	07/10/2001	02DS15D2	10,0	7,5	8,3		7,5		7,8	Đạt
267	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02MK15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
268	2223360274	Nguyễn Cao Thế	Minh	07/10/2006	02TM15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
269	2223360274	Nguyễn Cao Thê	Minh	07/10/2006	02TM15C1	8,0	6,5	7,0				2,8	Thi lại
270	2223360407	Nguyễn Văn Bình	Minh	24/10/2006	02MK15C1	8,0	5,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
271	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02DD15B1	10,0	8,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
272	2223180048	Lê Thị Kiều	My	04/10/1994	02DS15A2	9,0	8,5	8,7				3,5	Thi lại
273	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
274	2223360168	Võ Nguyễn Hồng	My	01/02/2007	02DL15C1	8,5	7,0	7,5		7,5		7,5	Đạt
275	2223360405	Nguyễn Hoàng Hải	My	17/09/2007	02DD15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
276	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02KT15C1	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
277	2223240047	Vũ Nhật	Nam	29/06/2002	02DD15B1	8,0	8,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
278	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02MK15C1	8,5	6,5	7,2		7,5		7,4	Đạt
279	2223360294	Nguyễn Hoàng	Nam	30/01/2007	02PM15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt
280	2223360328	Đào Văn	Nam	17/12/2004	02MK15D1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
281	2223240161	Bích Hường	Niê	18/03/1996	02DD15A2	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
282	2223180050	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/03/1985	02YS15A2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
283	2223360455	Nguyễn Thị Tố	Nga	17/09/2007	02DS15C2	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
284	2223360460	Trần Ngọc Thiên	Nga	09/11/2006	02MK15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
285	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01DH15C1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
286	1223240040	Hà Kim	Ngân	09/05/2000	01DS15A2	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt
287	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	01DS15B1	9.0	8.0	8,3		8.5		8,4	Đạt
288	2223360121	Nguyễn Thanh	Ngân	30/10/2007	02DS15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
289	2223360288	Trần Bảo	Ngân	20/10/2007	02DS15C1	6,0	6,0	6,0		6,5		6,3	Đạt
290	2223360338	Trần Quang	Ngân	23/07/2004	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
291	2223360362	Trần Vương Song	Ngân	05/12/2007	02DD15C1	8,0	6,0	6,7		7,5		7,2	Đạt
292	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
293	2223240163	Lê Đức	Nghĩa	24/02/1995	02MK15B1	8,0	7,5	7,7				3,1	Thi lại
294	1223360003	Phan Đăng Cao	Ngọc	24/01/2001	01DS15C1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
295	1223240006	Trần Hồ Mỹ	Ngọc	01/01/2003	01DD15A1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
296	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/03/2003	02YS15A2	10,0	7,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
297	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	10,0	8,0	8,7		8,5		8,6	Đạt
298	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02DN15A1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
299	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
300	2223360148	Ngô Mỹ	Ngọc	07/10/2007	02DL15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
301	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02DD15C1	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
302	2223360301	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/02/2007	02MK15C1	7,0	4,5	5,3		7,5		6,6	Đạt
303	2223360401	Hà Bảo	Ngọc	03/12/2007	02DD15C1	8,5	6,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
304	1223240030	Nguyễn Phương	Nguyên	23/12/2001	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		9,5		8,9	Đạt
305	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02DH15A1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
306	2223360058	Trần Thị Thanh	Nguyên	24/01/2004	02DD15C1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
307	2223360196	Trần	Nguyễn	26/05/2007	02PL15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
308	2223360406	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	11/08/2007	02DH15C2	9,0	6,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
309	2223360057	Nguyễn Hồng	Ngự	21/02/1994	02DN15D1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
310	2223360348	Trần Nguyễn Hòa	Nhã	22/11/2007	02DH15C2	6,0		2,0	TBKT			0,8	Học lại
311	2223240145	Phạm Tấn	Nhát	11/05/1996	02KT15A1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
312	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
313	2223360368	Cao Minh	Nhật	06/12/2007	02MK15C1	8,0	5,0	6,0		6,5		6,3	Đạt
314	1223240046	Trần Thị Hồng	Nhi	29/10/1998	02KT15E1	7.5	7.5	7,5		7.5		7,5	Đạt
315	2223240040	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	28/05/2001	02MK15A1	9,0	8,5	8,7		7,5		8,0	Đạt
316	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
317	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
318	2223240126	Lê Thị Yên	Nhi	22/07/2001	02PM15A2	9,0	8,0	8,3		6,5		7,2	Đạt
319	2223360118	Nguyễn Phú Huỳnh	Nhi	26/11/2007	02DS15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
320	2223360144	Phùng Yến	Nhi	21/11/2007	02DD15C2	9,5	8,0	8,5		7,5		7,9	Đạt
321	2223360145	Đinh Thị Ái	Nhi	12/07/2007	02DN15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
322	2223360182	Lê Ngọc Yến	Nhi	11/09/2007	02DH15C1	8,0	5,0	6,0		6,5		6,3	Đạt
323	2223360304	Nguyễn Thiên	Nhi	23/07/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
324	2223360340	Trần Yến	Nhi	26/11/2007	02YS15C1	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
325	2223360377	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	29/10/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
326	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	24/06/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
327	2223360468	Sóc Thị Quỳnh	Nhi	24/03/2007	02DN15C1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
328	2223360251	Nguyễn Võ Uyển	Nhi	15/05/2004	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
329	2223240124	Vũ Thị Yên	Nhi	27/07/2000	02YS15B1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
330	2223240152	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	02/10/1997	02MK15B1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
331	3223240020	Võ Ngọc Kiều	Nhi	24/09/1998	02DS15B2	9.0	7.5	8,0		8.0		8,0	Đạt
332	1223360076	Phùng Thanh	Nhị	09/09/1996	01DN15C1	7,0	7,0	7,0		8,5		7,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
333	2223240111	Nguyễn Thị Tố	Như	37531	02YS15A2	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
334	2223360151	Hồ Quỳnh	Như	04/09/2005	02DS15C1	9,0	8,5	8,7		9,0		8,9	Đạt
335	2223360183	Nguyễn Ngọc YẾN	Như	22/05/2007	02DD15C1	9,0	7,5	8,0		5,0		6,2	Đạt
336	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
337	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02DH15C2	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
338	2223360282	Hồ Quỳnh	Như	29/11/2007	02YS15C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
339	2223360344	Trần Ngọc	Như	16/11/2007	02KT15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
340	2223360381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/10/2007	02DH15C2	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
341	2223360153	Nguyễn Thị YẾN	Như	20/07/2007	02KT15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
342	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	10/12/2007	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt
343	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02DD15B1	8.5	8.5	8,5		9.0		8,8	Đạt
344	1223240001	Nguyễn Minh	Nhựt	21/04/2001	02KT15E1	0.0	0.0	0,0	TBKT	0.0		0,0	Học lại
345	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhựt	29/12/2006	02DH15C1	10,0	7,5	8,3		7,5		7,8	Đạt
346	2223360472	Đỗ Minh	Nhựt	26/01/2003	02PL15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
347	1223360063	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	23/04/2006	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
348	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02DD15B1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
349	2223360157	Truong Nguyễn Kiều	Oanh	29/04/2007	02DD15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
350	2223360346	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/12/2007	02DH15C2	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
351	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	02YS15C1	0.0	0.0	0,0	TBKT	0.0		0,0	Học lại
352	1223360004	Nguyễn Thanh	Phái	13/11/2004	02YS15C1	8,5	8,0	8,2		8,0		8,1	Đạt
353	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
354	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02DD15C2	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
355	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn	Phong	19/08/2007	02DD15C1	7,0	4,5	5,3		6,5		6,0	Đạt
356	2223360305	Vũ Đình	Phong	25/12/2007	02DH15C2	8,0	6,0	6,7				2,7	Thi lại
357	2223360188	Nguyễn Minh	Phú	26/03/2007	02DN15C1	9,5	9,0	9,2		9,0		9,1	Đạt
358	2223360298	Phạm Thiên	Phú	01/04/2007	02PM15C1	7,5	6,5	6,8		7,0		6,9	Đạt
359	2223240169	Đặng Phong	Phú	28/02/1993	02PM15A2	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
360	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên	Phúc	16/12/2006	02PM15C1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
361	2223360357	Nguyễn Thiên	Phúc	21/01/2007	02DH15C2	8,5	7,0	7,5		7,0		7,2	Đạt
362	2223360462	Vũ Đức	Phúc	19/02/2007	02DH15C3	8,5	8,5	8,5		7,5		7,9	Đạt
363	3223240023	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/04/2001	02KT15E2	9.0	8.5	8,7		8.0		8,3	Đạt
364	2223360359	Võ Ngọc Phi	Phụng	15/01/2007	02KT15C1	6,0	6,0	6,0		6,5		6,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
365	2223240164	Vương Văn	Phước	19/02/1993	01BK15B6	8.5	8.0	8,2		8.0		8,1	Đạt
366	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02YS15D1	10,0	7,0	8,0		7,0		7,4	Đạt
367	2223360240	Nguyễn Thiên	Phước	09/10/2007	02DH15C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
368	2223360336	Lý Hữu	Phước	15/06/2007	02PM15C1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
369	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phương	22/09/2006	02DH15D1	7.0	7.0	7,0		7.5		7,3	Đạt
370	2223240051	Lê Kim	Phương	28/10/2003	02DS15A1	9,5	8,0	8,5		8,5		8,5	Đạt
371	2223240117	Lê Đình	Phương	23/04/2001	02DD15A2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
372	2223360156	Phạm Trần Hà	Phương	13/04/2004	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
373	2223360129	Lê Nguyễn Ngọc	Phương	14/06/2007	02DD15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
374	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phương	16/06/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
375	2223360326	Huỳnh Thị Minh	Phương	31/12/2006	02DH15C2	8,0	8,5	8,3				3,3	Thi lại
376	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	02KT15C1	8,0	5,0	6,0		7,5		6,9	Đạt
377	2223360350	Đặng Thị Trúc	Phương	15/10/2007	02DD15C1	8,5	4,5	5,8		7,0		6,5	Đạt
378	2223180065	Lê Hồ	Phương	17/06/1980	02DS15B2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
379	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	02YS15B1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
380	2223240116	Trần Đoàn Cẩm	Phượng	15/08/2001	02DS15B2	8,5	7,5	7,8		7,5		7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
381	2223360496	Nguyễn Chí	Quang	03/11/2007	02DH15C3	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
382	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng	Quân	06/03/2005	02PM15C1	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
383	2223360159	Trần Minh	Quân	17/12/2005	02PM15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
384	2223360309	Lê Hoàng	Quân	21/09/2007	02PM15C1	7,5	7,5	7,5		7,0		7,2	Đạt
385	2223360290	Dương Trung	Quân	12/01/2007	02YS15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
386	2223360309	Lê Hoàng	Quân	21/09/2007	02PM15C1	8,0	6,0	6,7				2,7	Thi lại
387	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02YS15A2	9,0	7,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
388	2223360227	Lý Kiến	Quốc	26/08/2007	02PM15C2	7,0	6,0	6,3		7,0		6,7	Đạt
389	2213360381	Trần Lê Thảo	Quyên	11/12/2003	02BK15A2	10,0	8,5	9,0		7,5		8,1	Đạt
390	2223360268	Nguyễn Huỳnh Tó	Quyên	20/11/2007	02YS15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
391	2223240142	Trần Thị Cẩm	Quyên	30/10/2001	02YS15B1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
392	2223360439	Nguyễn Tường	Quyên	15/02/2001	02DD15D1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
393	2223360477	Lại Ngọc	Quyên	14/07/1998	02YS15D1	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
394	1223240048	Phạm Xuân	Quyên	24/09/2002	01DS15A2	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
395	2223360189	Trần Xuân	Quyên	25/10/2003	02TM15C1	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt
396	1223360002	Trương Ngọc Diễm	Quỳnh	18/11/2000	01YS15C1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
397	2223360169	Lê Phạm Như	Quỳnh	26/02/2007	02DN15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
398	2223360170	Nguyễn Ánh Kim	Sa	28/11/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
399	1223360005	Nguyễn Tấn	Sang	02/07/2004	01TM15C1	7.0	7.0	7,0		7.0		7,0	Đạt
400	1223360005	Nguyễn Tấn	Sang	02/07/2004	01TM15C1	7,0	6,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
401	2223240002	Nguyễn Thanh	Sang	11/09/1996	02DS15B1	8.0	8.0	8,0		8.5		8,3	Đạt
402	2223240066	Võ Thị Ngọc	Sang	01/10/1985	02DD15B1	10,0	9,0	9,3		9,0		9,1	Đạt
403	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02DH15C1	7,0	7,5	7,3		7,0		7,1	Đạt
404	2223360278	Nguyễn Thanh	Sang	14/03/2007	02DH15C2	8,0	5,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
405	2223240069	Trần Thị	Sâm	12/11/2003	02DD15B1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
406	1223240002	Nguyễn Công	Sơn	08/7/2001	01DS15A2	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
407	2223360074	Phan Nhật	Sơn	18/11/2002	02DH15C1	10,0	7,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
408	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Sơn	08/06/2007	02DH15C1	7,5	5,5	6,2		6,5		6,4	Đạt
409	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15C1	9,0	9,0	9,0		9,5		9,3	Đạt
410	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	02DS15C1	9.5	9.5	9,5		9.5		9,5	Đạt
411	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
412	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02DH15C1	10,0	7,5	8,3		6,5		7,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
413	2223360277	Nguyễn Tấn Tài	27/10/2007	02DH15C2	8,0	5,0	6,0			7,0		6,6	Đạt
414	2223360366	Phan Văn Tài	27/07/2007	02DS15C1	7,5	7,5	7,5			7,0		7,2	Đạt
415	2223360382	Võ Thành Tài	27/02/2007	02DN15C1	8,0	6,5	7,0			7,0		7,0	Đạt
416	1223240031	Lê Thị Minh Tâm	26/04/2003	01DS15A2	10,0	10,0	10,0			9,0		9,4	Đạt
417	2223240044	Trần Thiện Tiến	14/02/1995	02DH15B1	9,0	7,0	7,7			7,5		7,6	Đạt
418	2223360115	Trần Thị Mỹ Tâm	01/04/2005	02KT15C1	8,5	7,5	7,8			7,0		7,3	Đạt
419	2223360411	Nguyễn Phương Thanh	11/11/2007	02DS15C1	9,0	4,0	5,7			7,5		6,8	Đạt
420	1223240008	Nguyễn Văn Tân	01/05/1998	02KT15E2	8.5	7.0	7,5			7.0		7,2	Đạt
421	2223240058	Nông Thị Tem	25/02/1999	02PL15A1	9,0	8,0	8,3			8,5		8,4	Đạt
422	2223360044	Võ Thị Thủy Tiên	09/09/2002	02DS15C2	8,0	7,5	7,7			8,5		8,2	Đạt
423	2223240075	Võ Thanh Mỹ Tiên	25/08/1994	02DS15A2	10,0	9,0	9,3			9,0		9,1	Đạt
424	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	13/11/2003	02MK15A1	8,0	7,5	7,7			8,0		7,9	Đạt
425	2223360261	Lê Thảo Tiên	27/01/2006	02DS15C1	8,0	5,5	6,3			7,5		7,0	Đạt
426	2223360379	Lê Trúc Tiên	24/03/2007	02DH15C2	9,0	8,5	8,7			8,5		8,6	Đạt
427	2223360473	Lê Thị Thủy Tiên	31/10/2007	02DD15C1	9,0	8,5	8,7			8,5		8,6	Đạt
428	2223360482	Lê Thùy Tiên	09/04/2007	02DD15C1	8,0	7,5	7,7			7,5		7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
429	2223360158	Nguyễn Tiến	24/02/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0			7,0		7,4	Đạt
430	2223360325	Võ Minh Tiến	25/09/2007	02PM15C1	8,0	8,0	8,0			7,5		7,7	Đạt
431	1223360001	Nguyễn Trung Tín	26/02/2001	02KT15E1	8.5	9.0	8,8			8.5		8,6	Đạt
432	2223240157	Đào Trung Tín	09/12/2002	02KT15A1	6,0	4,5	5,0			7,0		6,2	Đạt
433	1223360071	Nguyễn Đức Toàn	11/03/2004	02KT15D1	9,0	8,0	8,3			8,5		8,4	Đạt
434	1223360071	Nguyễn Đức Toàn	11/03/2004	02KT15D1	9,0	8,0	8,3			8,5		8,4	Đạt
435	1223240049	Ngô Triều Tông	11/12/2002	01DH15A1	8,0	8,0	8,0			9,0		8,6	Đạt
436	2223240028	Trần Tiến Tới	13/09/2003	02YS15A2	9.5	9.5	9,5			9.5		9,5	Đạt
437	2223240091	Trần Thị Cẩm Tú	12/08/2003	02DS15A2	9,5	7,0	7,8			8,0		7,9	Đạt
438	2223360123	Nguyễn Thị Cẩm Tú	14/02/2007	02DD15C1	9,0	8,0	8,3			8,5		8,4	Đạt
439	2223360252	Cao Thanh Tú	07/05/2006	02DH15C3	7,5	6,5	6,8			8,0		7,5	Đạt
440	2223360465	Vũ Cẩm Tú	19/02/2006	02MK15C1	9,0	9,0	9,0			7,5		8,1	Đạt
441	2223180064	Võ Thị Cẩm Tú	07/09/1983	02DS15B2	8,5	8,5	8,5			8,0		8,2	Đạt
442	3223240016	Nguyễn Thị Cẩm Tú	30/08/1990	02KT15E2	9.0	8.5	8,7			8.5		8,6	Đạt
443	2223240009	Trần Anh Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	8.5	8.5	8,5			8.5		8,5	Đạt
444	2223360063	Nguyễn Anh Tuấn	19/03/2003	02TM15C1	10,0	9,0	9,3			9,0		9,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
445	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
446	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02PM15C1	8,0	6,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
447	2223240187	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	19/01/2001	02DH15B1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
448	2223360046	Hoàng	Tùng	24/05/1999	02YS15C1	8,0	8,0	8,0		7,5		7,7	Đạt
449	2223240167	Đình Quốc Quỳnh	Tuyên	25/07/2003	02DS15B2	8,5	7,0	7,5		8,0		7,8	Đạt
450	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
451	2223240049	Nguyễn Văn	Thái	23/02/1997	02YS15B1	10,0	7,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
452	2223360419	Trần Minh	Thái	30/08/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		7,0		7,1	Đạt
453	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01DS15B1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
454	2223360038	Lê Hồ Bá	Thanh	16/08/1994	02DS15D2	10,0	7,5	8,3		7,5		7,8	Đạt
455	2223180055	Nguyễn Mai	Thanh	27/02/1994	02DS15B1	10,0	7,0	8,0				3,2	Thi lại
456	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02DN15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
457	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
458	2223360007	Nguyễn Hoàng	Thành	12/12/2000	02DN15D1	7.5	8.0	7,8		8.5		8,2	Đạt
459	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02DH15C1	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
460	2223360218	Nguyễn Ngọc Quốc	Thành	21/09/2007	02YS15C1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
461	2223360306	Nguyễn Chí	Thành	19/10/2006	02PM15C1	6,5	6,0	6,2		6,0		6,1	Đạt
462	2223360470	Trần Phúc	Thành	28/10/2006	02PM15C2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
463	2223360476	Phan Văn	Thành	03/08/2000	02DS15D2	8,0	7,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
464	1223240026	Cao Thị Phương	Thảo	03/08/2003	01DS15A2	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt
465	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/09/1995	02DS15C1	9.5	9.5	9,5		9.5		9,5	Đạt
466	2223360011	Trần Ngọc Thanh	Thảo	23/04/2005	02DD15C1	8.5	8.5	8,5		8.5		8,5	Đạt
467	2223360134	Phạm Thị Hương	Thảo	20/07/2003	02DD15C2	10,0	7,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
468	2223240106	Nguyễn Thanh	Thảo	17/09/2002	02YS15B1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
469	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	02MK15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
470	2223360456	Trần Ngọc Thanh	Thảo	12/11/2007	02MK15C1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
471	2223240190	Vũ Thị Thu	Thảo	01/11/2000	02YS15A2	8,5	7,5	7,8		8,5		8,2	Đạt
472	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
473	3223240015	Hồ Thị Xuân	Thảo	16/06/1999	02KT15E2	9.0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt
474	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
475	2223240108	Đỗ Văn	Thắng	24/03/2002	02YS15B1	10,0	8,0	8,7		7,5		8,0	Đạt
476	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02MK15C1	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
477	2223240062	Phan Duy	Thiên	17/03/1998	02DH15B1	6,5	7,5	7,2		7,0		7,1	Đạt
478	1223360016	Lê	Thịnh	28/02/2006	01DD15C1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
479	2223360045	Nguyễn Ngọc	Thịnh	22/07/2002	02YS15C1	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
480	1223360017	Lê Thị Kim	Thoa	26/03/2001	02KT15E1	9.0	8.0	8,3		8.5		8,4	Đạt
481	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02MK15C1	8,0	7,0	7,3		8,0		7,7	Đạt
482	2223360049	Trần Hoàng	Thơ	16/11/2003	02DN15A1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
483	2223360009	Võ Minh	Thuận	15/05/2002	02DD15D1	8.0	8.0	8,0		8.5		8,3	Đạt
484	2223360280	Lê Hồ Gia	Thuận	26/04/2007	02PM15C1	7,5	5,0	5,8		7,0		6,5	Đạt
485	2223360349	Nguyễn Tấn	Thuận	24/11/2007	02DH15C2	7,5	5,0	5,8		7,0		6,5	Đạt
486	2223360467	Nguyễn Trần Thiên	Thuận	28/08/2006	02DN15C1	8,5	7,0	7,5		7,5		7,5	Đạt
487	2223240173	Nguyễn Thị Kiều	Thuận	19/09/2001	02DS15B2	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
488	1223240039	Trần Thị Thanh	Thuý	12/01/1998	01KT15A1	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt
489	2223360311	Nguyễn Vũ Ngọc	Thùy	02/12/2000	02DS15C1	7,0	6,0	6,3		8,0		7,3	Đạt
490	2223360112	Phạm Thị Bích	Thùy	15/10/1983	02DS15D2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
491	2223240133	Nguyễn Ngọc	Thùy	06/06/1996	02DS15B2	8,0	7,5	7,7		7,5		7,6	Đạt
492	2223240005	Nguyễn Thanh	Thúy	05/03/1997	02DN15B1	9.5	9.5	9,5		9.5		9,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
493	2223240165	Bùi Thị	Thúy	10/10/1999	02DN15B1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
494	2223240159	Trần Thị	Thuyền	20/03/1983	02DS15B2	9.0	8.5	8,7		8.5		8,6	Đạt
495	2223240029	Trần Lê Anh	Thư	27/02/2000	02DD15B1	8.5	9.0	8,8		9.0		8,9	Đạt
496	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim	Thư	07/05/2003	02YS15A2	9,0	7,5	8,0		9,5		8,9	Đạt
497	2223360180	Nguyễn Anh	Thư	30/03/2007	02DL15C1	8,5	7,0	7,5		7,0		7,2	Đạt
498	2223360231	Hoàng Kim Anh	Thư	18/03/2006	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
499	2223360248	Nguyễn Nhựt Minh	Thư	03/01/2007	02YS15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
500	2223180058	Nguyễn Minh	Thức	25/11/1985	02DS15B1	8,5	7,0	7,5		8,0		7,8	Đạt
501	2223360194	Nguyễn Hoàng	Thức	08/03/2007	02PM15C1	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
502	2223240144	Trương Minh Nguyên	Thương	30/08/1994	02DS15A2	9,0	8,5	8,7		9,0		8,9	Đạt
503	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1	10,0	7,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
504	2223360199	Lê Ngọc Bảo	Thy	25/12/2007	02MK15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt
505	2223360416	Nguyễn Thụy Giang	Thy	07/02/2000	02DD15D1	7,0	6,5	6,7		6,0		6,3	Đạt
506	2223180041	Phạm Sơn	Trà	13/10/1989	02BK15B3	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
507	2223240019	Phạm Minh	Trang	07/02/2000	02MK15A1	7.5	8.0	7,8		8.0		7,9	Đạt
508	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
509	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02DD15A1	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
510	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	Trang	18/12/2007	02TM15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
511	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02MK15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
512	2223360279	Ngô Mỹ	Trang	26/10/2007	02DH15C2	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
513	1223240019	Phan Bích	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	7	5	5,7		5		5,3	Đạt
514	1223240020	Phan Ngọc	Trâm	26/10/2001	01DS15A2	5	5	5,0		5		5,0	Đạt
515	2223240060	Đoàn Ngọc	Trâm	07/03/2002	01KT15A1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
516	3223240005	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/04/2000	02KT15E2	7.5	8.0	7,8		8.0		7,9	Đạt
517	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02MK15C1	10,0	9,0	9,3		8,0		8,5	Đạt
518	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02KT15C1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
519	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	09/11/2007	02DH15C1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
520	2223360195	Bùi Lê Ngọc	Trâm	02/05/2007	02DH15C1	8,5	7,0	7,5		7,0		7,2	Đạt
521	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	08/06/2006	02DN15C1	8,0	6,0	6,7		8,0		7,5	Đạt
522	2223360141	Lộc Nguyễn Thùy	Trâm	12/11/2007	02YS15C1	9,0	8,0	8,3		8,5		8,4	Đạt
523	2223240110	Lê Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	12/02/1997	02KT15E2	8.0	7.5	7,7		7.5		7,6	Đạt
524	1223360008	Đoàn Ngọc Quế	Trân	16/09/2005	01DS15C1	10,0	10,0	10,0		9,5		9,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
525	2223360137	Văn Quý Thục	Trân	07/12/2003	02DL15C1	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt
526	2223240123	Đỗ Trần Bảo	Trân	05/07/2003	02YS15A2	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
527	2223360299	Lý Ngọc Bảo	Trân	20/11/2007	02PM15C1	8,5	8,0	8,2				3,3	Thi lại
528	2223360316	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	19/08/2007	02DL15C1	8,0	8,5	8,3		8,5		8,4	Đạt
529	2223360089	Vũ Hoàng Thiên	Trí	20/07/2003	02DH15C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
530	2223360272	Nguyễn Minh	Triết	05/05/2006	02YS15C1	7,0	6,0	6,3		7,5		7,0	Đạt
531	2223360036	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	15/10/2005	02DL15C1	9,0	8,0	8,3		7,5		7,8	Đạt
532	2223360230	Trần Lê Kiều	Trinh	03/10/2006	02DS15C2	8,5	7,0	7,5		7,5		7,5	Đạt
533	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	02DD15A2	8,0	8,0	8,0		8,0		8,0	Đạt
534	2223240065	Nguyễn Ngọc	Trìu	25/04/1998	02YS15A2	8,5	8,5	8,5		8,0		8,2	Đạt
535	2223360207	Phạm Phú	Trọng	07/03/2007	02PM15C1	8,5	7,5	7,8		7,0		7,3	Đạt
536	1223240043	Trương Thị Thanh	Trúc	26/07/1999	02KT15E1	9.0	8.0	8,3		8.5		8,4	Đạt
537	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02MK15C1	8,5	7,5	7,8		8,0		7,9	Đạt
538	2223360341	Nguyễn Thanh	Trúc	30/12/2007	02PM15C1	8,0	7,5	7,7				3,1	Thi lại
539	2223360266	Trần Thị Thu	Trúc	28/10/2004	02YS15D1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
540	2223240013	Trần Đức	Trung	28/02/1999	02YS15B1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
541	2223360232	Võ Phan Phú	Trung	08/04/2007	02MK15C1	6,0	4,5	5,0		7,0		6,2	Đạt
542	3223240012	Lâm hoài	Trung	28/05/1982	01DS15B1	9.0	8.0	8,3		8.0		8,1	Đạt
543	3223240025	Nguyễn Thành	Trung	26/08/1990	02KT15E2	9.0	7.5	8,0		8.0		8,0	Đạt
544	1223240044	Nguyễn Tấn	Truong	15/09/1995	01DS15B1	7.0	7.5	7,3		7.5		7,4	Đạt
545	2223360012	Lê Thùy	Uyên	22/10/2003	02DD15C2	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
546	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02KT15C1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
547	2223360464	Trần Phương	Uyên	29/10/2007	02YS15C1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
548	2223360181	Lê Thị Trường	Vang	13/12/1989	02DH15D1	8,5	8,0	8,2		7,5		7,8	Đạt
549	1223180002	Võ Hồng	Vân	06/02/1970	01DS15A2	9.0	9.5	9,3		9.5		9,4	Đạt
550	1223240005	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/01/2002	01DS15B1	9.0	9.0	9,0		9.0		9,0	Đạt
551	1223240028	Phạm Thị Thúy	Vân	03/03/1992	02YS15A2	8,0	8,0	8,0		9,5		8,9	Đạt
552	2223360005	Trịnh Thị Thúy	Vân	24/06/1998	02DD15C2	9.0	10.0	9,7		9.5		9,6	Đạt
553	2223360214	Lê Ngọc Khả	Vân	28/07/2007	02DN15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
554	2223360380	Ngô Thanh	Vân	18/07/2007	02DH15C2	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
555	1223240012	Lê Thị Tường	Vi	01/09/2003	01DS15A2	8,0	8,0	8,0		9,5		8,9	Đạt
556	2223180026	Nguyễn Thái Phương	Vi	04/10/1985	02DS15B1	9,0	7,5	8,0		8,0		8,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
557	2223240042	Đỗ Thị Tường	Vi	05/08/1987	02DS15B2	10,0	8,5	9,0		8,5		8,7	Đạt
558	2223360463	Lê Ngọc Phương	Vi	21/09/2007	02DH15C3	9,0	8,5	8,7		7,5		8,0	Đạt
559	2223240045	Nguyễn Thế	Vĩnh	05/04/1997	02YS15B1	10,0	8,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
560	3223240014	Đỗ xuân	Vũ	02/12/1993	02MK15B1	7.5	7.0	7,2		7.5		7,4	Đạt
561	3223240026	Trần Văn	Vui	18/06/1984	02KT15E2	9.0	7.0	7,7		7.5		7,6	Đạt
562	2223240026	Thái Triệu	Vy	26/02/2002	02YS15A1	7.0	7.0	7,0		7.5		7,3	Đạt
563	2223360043	Đinh Khả	Vy	16/09/2000	02DS15D2	9,0	7,5	8,0		7,0		7,4	Đạt
564	2223240104	Nguyễn Thị Ánh	Vy	05/08/1996	02DS15B2	8,0	7,0	7,3		8,5		8,0	Đạt
565	2223360093	Nguyễn Đăng Thanh	Vy	28/10/2001	02DS15C2	8,5	8,0	8,2		8,0		8,1	Đạt
566	2223360140	Lê Nguyễn Tường	Vy	03/10/2007	02DD15C1	9,0	7,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
567	2223360201	Bùi Ngọc Vân	Vy	17/03/2007	02KT15C1	9,0	6,5	7,3				2,9	Thi lại
568	2223360287	Huỳnh Thị Thanh	Vy	19/10/2007	02DN15C1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
569	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh	Vy	27/10/2007	02PM15C1	9,0	8,5	8,7		8,5		8,6	Đạt
570	2223360281	Ngô Ngọc Minh	Xuân	12/08/2007	02YS15C1	8,0	4,5	5,7		7,5		6,8	Đạt
571	1223360228	Mai Như	Ý	10/08/2007	02DD15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
572	2223240179	Nguyễn Thị Thanh Hải	Ý	29/08/1993	02YS15A2	8,0	8,5	8,3		9,0		8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
573	1223240051	Trần Ngọc	Yến	09/05/1996	02DS15B2	9.0	8.0	8,3		8.0		8,1	Đạt
574	2223360039	Bùi Phi	Yến	04/10/2006	02DS15C1	7,0	8,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
575	2223360064	Lê Ngọc Kim	Yến	20/04/2003	02DS15C2	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt
576	2223360160	Nguyễn Hồng Phi	Yến	18/07/2007	02DD15C1	9,0	7,0	7,7		7,5		7,6	Đạt
577	2223360246	Trịnh Hoàng Bảo	Yến	18/08/2007	02YS15C1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
578	3223240027	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/05/2001	02KT15E2	8.5	7.0	7,5		8.0		7,8	Đạt